

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122067200204 - V k thu t c»ng tr ãnh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671040084	36CLC-CĐ	Nguy n ã c An	05/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
2	3671040641	36CLC-CĐ	ñ @ Gia B o	26/07/1994				6.6			6.6	2.0	2.4	1.7	3.7	
3	3671040560	36CLC-CĐ	Tr ã ng Thanh B ãnh	18/06/1994				6.4			6.4	1.9	6.9	4.8	6.8	
4	3671041110	36CLC-CĐ	Nguy n H u C ãnh	07/10/1994				6.0			6.0	1.8	5.3	3.7	5.5	
5	3671040058	36CLC-CĐ	ñ @ Nguy ² n Cát	28/08/1994				8.4			8.4	2.5	5.0	3.5	6.0	
6	3671041188	36CLC-CĐ	Nguy n V ãñ C ãng	22/10/1994				7.1			7.1	2.1	6.0	4.2	6.3	
7	3671041895	36CLC-CĐ	Tr ã n Kh i C ãng	21/05/1993				3.1			3.1	0.9	2.7	1.9	2.8	
8	3671040372	36CLC-CĐ	Nguy n T ã ãng Ch ãnh	27/12/1994				6.7			6.7	2.0	3.8	2.7	4.7	
9	3671040068	36CLC-CĐ	Tr ã n V ãñ Du ãn	06/02/1994				7.0			7.0	2.1	5.1	3.6	5.7	
10	3671040508	36CLC-CĐ	Nguy n Tu ãn Duy	14/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
11	3671040702	36CLC-CĐ	Nguy n T ã ãn D ã ãg	16/08/1993				4.8			4.8	1.4	4.6	3.2	4.7	
12	3671041133	36CLC-CĐ	Tr ã n Anh D ã ãg	03/10/1994				5.6			5.6	1.7	3.2	2.2	3.9	
13	3671040843	36CLC-CĐ	Tr ã n Thanh Giang	02/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
14	3671040237	36CLC-CĐ	Lê Thanh H i	12/01/1994				8.7			8.7	2.6	4.9	3.4	6.0	
15	3671040857	36CLC-CĐ	V H S ãn H i	14/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
16	3571010143	36CLC-CĐ	Nguy n Thanh Hoàng	05/03/1993				6.9			6.9	2.1	5.4	3.8	5.9	
17	3671040736	36CLC-CĐ	T V ãñ H óa	01/10/1993				8.5			8.5	2.6	5.3	3.7	6.3	
18	3671040082	36CLC-CĐ	Nguy n Cao Huy	27/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
19	3671041641	36CLC-CĐ	Ph ã m S ãn H ãng	02/04/1994				5.3			5.3	1.6	5.8	4.1	5.7	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067200204 - V k thu t c ấ ng tr ấ h H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671040043	36CLC-CĐ	Nguy n Anh	Ki t	14/10/1994				5.4			5.4	1.6	5.7	4.0	5.6	
21	3671040997	36CLC-CĐ	B ầ Duy	Kh ấ h	23/07/1994				1.0			1.0	0.3	5.1	3.6	3.9	
22	3671041838	36CLC-CĐ	Nguy n Duy	Kh ấ h	13/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
23	3671040081	36CLC-CĐ	Nguy n Th M ấ h	Kh ầ	27/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
24	3671041997	36CLC-CĐ	Ph m M c Quang	Khu ầ	13/08/1994				6.4			6.4	1.9	3.9	2.7	4.7	
25	3671041948	36CLC-CĐ	Nguy n ấ c	Linh	18/03/1994				6.8			6.8	2.0	3.7	2.6	4.6	
26	3671040193	36CLC-CĐ	Ph m	L i	19/03/1994				1.1			1.1	0.3	3.5	2.5	2.8	
27	3671040535	36CLC-CĐ	Nguy n Nh t	M ấ h	09/04/1994				5.9			5.9	1.8	5.7	4.0	5.8	
28	3671041956	36CLC-CĐ	Nguy n H u	Nam	08/11/1994				6.5			6.5	2.0	5.4	3.8	5.7	
29	3671040078	36CLC-CĐ	Tr n ấ ph	Nam	29/12/1994				8.4			8.4	2.5	5.9	4.1	6.7	
30	3671040690	36CLC-CĐ	Tr n Hi u	Nh ầ	29/04/1994				7.0			7.0	2.1	6.1	4.3	6.4	
31	3671041850	36CLC-CĐ	B ầ L 2 Tu n	Phong	07/01/1994				5.3			5.3	1.6	5.7	4.0	5.6	
32	3671041572	36CLC-CĐ	Nguy n Ho ầ ng	Phúc	20/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
33	3671040386	36CLC-CĐ	Nguy n M ấ h	Quang	14/07/1994				6.3			6.3	1.9	8.5	6.0	7.8	
34	3671040350	36CLC-CĐ	Ph ầ ng V ấ h	Sang	25/04/1994				7.8			7.8	2.3	5.8	4.1	6.4	
35	3671040284	36CLC-CĐ	Nguy n Ti n	S	09/01/1994				6.9			6.9	2.1	5.6	3.9	6.0	
36	3671040197	36CLC-CĐ	Nguy n T n	T ầ h	19/03/1994				3.8			3.8	1.1	6.6	4.6	5.8	
37	3671040457	36CLC-CĐ	H C ầ ng	Tu n	13/10/1994				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
38	3671040226	36CLC-CĐ	Nguy n Thanh	T ầ ng	02/04/1994				3.4			3.4	1.0	2.9	2.0	3.1	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấT : H c ph n : 122067200204 - V k thu t c ầg tr ầh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671041906	36CLC-CĐ	Nguy n C ầg	Thanh	02/12/1993				9.2			9.2	2.8	6.1	4.3	7.0	
40	3671041602	36CLC-CĐ	Tr n Ng c	Thành	23/08/1994				6.4			6.4	1.9	4.6	3.2	5.1	
41	3671040092	36CLC-CĐ	Nguy n Quang	Thái	11/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
42	3671041940		L ² Ti n	Th ng	20/06/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT (TRUNG TEN)
43	3671041945	36CLC-CĐ	L ² Ti n	Th ng	20/06/1992				4.0			4.0	1.2	2.3	1.6	2.8	
44	3671041131	36CLC-CĐ	Nguy n Minh	Trai	00/01/1900				5.5			5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
45	3671040959	36CLC-CĐ	Lê Công	Tri u	14/05/1994				5.4			5.4	1.6	3.6	2.5	4.1	
46	3671040936	36CLC-CĐ	Trang Thanh	Trung	25/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
47	3671010091	36CLC-CĐ	Tr n Qu c	Vi t	14/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

T ng s : 47 h c sinh sinh vi²n
Tr ng KhoaGi o Vi²n B M ầnGi o V Khoa
Tp.HCM, ngày / /